

THÔNG TƯ
Quy định về giám định tư pháp
trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục thực hiện giám định tư pháp; chi phí giám định và chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 3. Nội dung giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn bao gồm giám định tư pháp về trình tự, thủ tục, chất lượng, chi phí trong hoạt động về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn được áp dụng trong hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn áp dụng trong hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn là các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng trong hoạt động nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP; LẬP VÀ CÔNG BỐ DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 5. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp nông nghiệp và phát triển nông thôn

Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt.
2. Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương trở lên.
3. Đã có kinh nghiệm thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn liên tục từ đủ 05 năm trở lên.
4. Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Giám định tư pháp.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Công văn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của thủ trưởng đơn vị (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này).
2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.
3. Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp.
4. Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm hoặc bản sao văn bản của cơ quan, đơn vị để chứng minh thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của người được đề nghị bổ nhiệm.

Điều 7. Bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Thông tư này, lập danh sách và gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với từng người được đề nghị bổ nhiệm theo quy định tại Điều 6 Thông tư này đến Vụ Pháp chế;

b) Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xem xét hồ sơ, lựa chọn và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối không bổ nhiệm, Vụ Pháp chế trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

2. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại địa phương:

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Thông tư này, lập hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

Điều 8. Miễn nhiệm giám định viên tư pháp

1. Các trường hợp miễn nhiệm, hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

2. Hàng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ rà soát, lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp gửi Vụ Pháp chế. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. Hàng năm, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, lập danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương.

Điều 9. Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp

1. Đối với giám định viên tư pháp do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm:

Vụ Pháp chế lập danh sách giám định viên tư pháp được bổ nhiệm, miễn nhiệm kèm theo thông tin của giám định viên tư pháp gửi đến Trung tâm Tin học

và Thống kê để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung về giám định viên tư pháp.

2. Đối với giám định viên tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lập, điều chỉnh và gửi danh sách giám định viên tư pháp được bổ nhiệm, miễn nhiệm kèm theo thông tin của giám định viên tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung về giám định viên tư pháp.

Điều 10. Lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

1. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 18 Luật Giám định tư pháp, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Giám định tư pháp được lựa chọn để lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

2. Căn cứ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ lựa chọn, lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức được đề xuất là người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc gửi về Vụ Pháp chế trước ngày 01 tháng 10 hàng năm.

Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xem xét, lựa chọn người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, trình Bộ trưởng quyết định danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

3. Vụ Pháp chế gửi danh sách kèm theo thông tin người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đến Trung tâm Tin học và Thống kê để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lựa chọn, lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP; CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 11. Lựa chọn cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp

1. Người trung cầu giám định lựa chọn cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong danh sách đã được công bố theo quy định tại Thông tư này để thực hiện giám định phù hợp với tính chất, yêu cầu của vụ việc cần giám định.

2. Trong trường hợp không lựa chọn được cá nhân, tổ chức giám định tư pháp đã được công bố theo quy định tại Thông tư này, người trung cầu giám định đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn ở địa phương giới thiệu cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Điều 18 Luật Giám định tư pháp, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Giám định tư pháp thực hiện giám định ngoài danh sách đã được công bố theo quy định.

Điều 12. Tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp

1. Khi người trung cầu giám định, người yêu cầu giám định gửi quyết định trung cầu, văn bản yêu cầu giám định tư pháp, tổ chức, cá nhân được trung cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức thực hiện giám định theo nội dung được trung cầu, yêu cầu trừ trường hợp được quyền từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 24 Luật Giám định tư pháp và trường hợp không được thực hiện giám định tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Giám định tư pháp.

Việc thoả thuận thực hiện giám định giữa bên yêu cầu giám định và tổ chức, cá nhân thực hiện giám định được thể hiện bằng hợp đồng hoặc bằng các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cá nhân, tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định từ chối thực hiện giám định thì phải có văn bản nêu rõ lý do theo quy định tại khoản 2 Điều 11 hoặc điểm d khoản 2 Điều 24 Luật Giám định tư pháp.

Điều 13. Giao nhận đối tượng giám định tư pháp

1. Trong trường hợp việc trung cầu, yêu cầu giám định có kèm theo đối tượng giám định thì việc giao, nhận đối tượng giám định phải được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

2. Trường hợp việc trung cầu, yêu cầu giám định không thể kèm theo đối tượng giám định, bên trung cầu, yêu cầu giám định, cá nhân, tổ chức giám định và các bên có liên quan phải đến hiện trường nơi có vụ việc được trung cầu, yêu

cầu giám định để lập biên bản bàn giao hiện trạng đối tượng giám định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định có thể yêu cầu bên trung cầu, yêu cầu giám định và các bên có liên quan tạo điều kiện tiếp cận đối tượng giám định và cung cấp hồ sơ tài liệu cần thiết phục vụ cho việc lập đề cương và thực hiện giám định.

Điều 14. Thực hiện giám định tư pháp

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp lập và gửi bên trung cầu, yêu cầu giám định đề cương thực hiện giám định. Nội dung đề cương giám định bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng;
- b) Đối tượng và phạm vi giám định;
- c) Danh sách người giám định tư pháp thực hiện giám định, người được phân công chủ trì thực hiện giám định, các thông tin về năng lực của người chủ trì và các cá nhân thực hiện giám định;
- d) Tên tổ chức và danh sách các cá nhân được thuê tham gia giám định (trường hợp thuê tổ chức hoặc các cá nhân khác có năng lực phù hợp theo quy định để thực hiện một hoặc một số phần việc liên quan đến nội dung giám định);
- đ) Phương pháp thực hiện giám định;
- e) Danh mục phòng thí nghiệm, danh mục thiết bị được sử dụng (nếu có);
- g) Chi phí thực hiện giám định, thời gian dự kiến hoàn thành việc giám định;
- h) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật để thực hiện giám định.

Trường hợp cần thiết, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định đề nghị với bên trung cầu, yêu cầu giám định thực hiện khảo sát sơ bộ đối tượng giám định để phục vụ công tác lập đề cương giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bên trung cầu, yêu cầu giám định xem xét đề cương để làm cơ sở thực hiện giám định. Tùy theo tính chất vụ việc được trung cầu, yêu cầu giám định, bên trung cầu, yêu cầu giám định có thể tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn về các nội dung của đề cương.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định thông báo bằng văn bản cho người trung cầu giám định biết các thay đổi về nhân sự thực hiện giám định hoặc các thay đổi khác liên quan đến quá trình thực hiện giám định.

4. Quá trình thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu, yêu cầu phải theo quy định tại Điều 3 Luật Giám định tư pháp và được lập thành văn bản theo mẫu, gồm:

- a) Mẫu biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);
- b) Mẫu biên bản mở niêm phong (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);
- c) Mẫu biên bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này);
- d) Mẫu kết luận giám định (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này);
- đ) Mẫu biên bản bàn giao kết luận giám định (Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 15. Giám định bổ sung, giám định lại

1. Người trung cầu, yêu cầu giám định có thể yêu cầu giám định bổ sung nếu nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó. Việc trung cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

2. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Giám định tư pháp.

Điều 16. Hội đồng giám định

1. Việc thành lập Hội đồng giám định trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn được thực hiện trong trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định và có yêu cầu của người trung cầu giám định.

2. Hội đồng giám định do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập thực hiện giám định lại lần thứ hai.

3. Thành lập Hội đồng giám định:

a) Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc và cán bộ, công chức thuộc Bộ có chuyên môn cao, phù hợp với nội dung trung cầu giám định, không phải là người giám định tư pháp đã thực hiện giám định lần đầu; hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng;

b) Hội đồng giám định gồm có ít nhất 03 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định. Hội đồng giám định hoạt động theo cơ chế giám định tập thể quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Giám định tư pháp.

Điều 17. Lập, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp

1. Hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn bao gồm những văn bản, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Giám định tư pháp.

2. Hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định chịu trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định do mình thực hiện theo quy định và phải xuất trình hồ sơ giám định khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự, dân sự, vụ việc hành chính.

Điều 18. Chi phí thực hiện giám định tư pháp

Chi phí thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện theo quy định của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng, Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng, Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp

Người giám định tư pháp thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn được hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo quy định tại Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị thuộc Bộ giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu, trình Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, lập, công bố và đưa ra khỏi danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

b) Tham mưu, trình Bộ trưởng thành lập Hội đồng giám định để thực hiện giám định lại lần thứ hai;

c) Giới thiệu cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện thực hiện giám định ngoài danh sách đã được công bố theo quy định khi có đề nghị của người trưng cầu giám định;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan đến giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, kiến thức pháp luật cho đội ngũ giám định viên tư pháp, giám định viên tư pháp theo vụ việc;

đ) Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo thẩm quyền quản lý;

e) Hướng dẫn việc thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của Thông tư này trong phạm vi cả nước;

g) Hàng năm tổng kết chung về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

2. Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu, trình Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

b) Tham mưu, trình Bộ trưởng thành lập Hội đồng giám định để thực hiện giám định lại lần thứ hai.

3. Trung tâm Tin học và Thống kê có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên Cổng thông tin điện tử của Bộ trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được danh sách.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Thông tư này, lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp; rà soát, lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp gửi Vụ Pháp chế.

Trước ngày 01 tháng 10 hàng năm, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ lựa chọn, lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc gửi về Vụ Pháp chế.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, lập, công bố và đưa ra khỏi danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn tại địa phương;

b) Đăng tải danh sách người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tập hợp gửi Bộ Tư pháp để công bố chung;

c) Giới thiệu cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện thực hiện giám định ngoài danh sách đã được công bố theo quy định khi có đề nghị của người trưng cầu giám định;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan đến giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, kiến thức pháp luật cho đội ngũ giám định viên tư pháp, giám định viên tư pháp theo vụ việc ở địa phương;

đ) Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo thẩm quyền quản lý;

e) Hướng dẫn việc thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật;

g) Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổ chức và hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn ở địa phương trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Bộ Tư pháp.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Pháp chế) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Toà án ND Tối cao; Viện Kiểm sát ND Tối cao;
- HĐND, UBND và Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, PC.



Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49 /2014/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

GIAO NHẬN HỒ SƠ, ĐỐI TƯỢNG TRUNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm.....tại: (2)

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cơ quan trung cầu giám định (hoặc người yêu cầu giám định):

- Ông (bà)chức vụ

- Ông (bà)chức vụ

2. Đại diện (3):

- Ông (bà)chức vụ

- Ông (bà)chức vụ

3. Người chứng kiến (nếu có):

- Ông (bà) (4)

Tiến hành giao nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu/ yêu cầu giám định theo yêu cầu tại Quyết định trung cầu, yêu cầu giám định số.... (5) như sau:

.....

(Chú ý: Ghi rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng của hồ sơ, đối tượng giám định giao nhận).

Biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu/yêu cầu giám định đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và đại diện ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Việc giao nhận hoàn thành hồi.... giờ ngày...../...../...../.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRUNG CẦU/ ĐẠI DIỆN(3)
YÊU CẦU (Ký, ghi rõ họ tên)
(Ký, ghi rõ họ tên)

44

-
- (1) Tên cơ quan/ Người giám định tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu.
 - (2) Địa điểm giao nhận hồ sơ, đối tượng.
 - (3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc giám định viên tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu.
 - (4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.
 - (5) Số văn bản trưng cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

44

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49 /2014/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

MỞ NIÊM PHONG

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm....tại: (2)

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cơ quan trung cầu/yêu cầu giám định:

- Ông (bà)chức vụ

- Ông (bà)chức vụ

2. Đại diện..... (3):

- Ông (bà)chức vụ.....

- Ông (bà)chức vụ.....

3. Người chứng kiến (nếu có):

- Ông (bà)..... (4)

Tiến hành mở niêm phong hồ sơ, đối tượng trung cầu/ yêu cầu giám định theo yêu cầu tại Quyết định trung cầu, yêu cầu giám định số.... (5) sau đây:

.....

(Chú ý: Ghi nhận rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng hồ sơ, đối tượng giám định khi tiến hành mở niêm phong).

Biên bản mở niêm phong đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và đại diện ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Việc mở niêm phong hoàn thành hồi.... giờ ngày...../...../.....

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRUNG CẦU/
YÊU CẦU**
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(3)
(Ký, ghi rõ họ tên)

44

- (1) Tên cơ quan/ Người giám định tiếp nhận trung cầu/yêu cầu.
- (2) Địa điểm tiến hành mở niêm phong.
- (3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân trung cầu/yêu cầu.
- (4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.
- (5) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49 /2014/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2)..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

VĂN BẢN GHI NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH

Tôi/Chúng tôi gồm:

Thực hiện Quyết định số(3) về việc tiếp nhận trung cầu/yêu cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức ... (*giám định tập thể/giám định cá nhân*) đối với trung cầu/yêu cầu giám định(4), giám định viên/các thành viên giám định tập thể đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu được ghi nhận quá trình như sau:

NỘI DUNG: (5)

Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định đã được cá nhân giám định viên (*trường hợp giám định hình thức cá nhân*)/tập thể các thành viên giám định (*đối với trường hợp giám định tập thể*) thảo luận, thông qua, đồng ký tên và lưu hồ sơ giám định (6)/.

(7)...., ngày tháng năm....

CHỮ KÝ GIÁM ĐỊNH VIÊN/CÁC THÀNH VIÊN GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ (Ký, ghi rõ họ, tên)

- (1) Tên cơ quan/ Giám định viên tiếp nhận trung cầu/yêu cầu.
- (2) Giám định cá nhân/giám định tập thể.
- (3) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung tiếp nhận trung cầu/yêu cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức cá nhân hoặc tập thể.
- (4) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung văn bản trung cầu/yêu cầu giám định.
- (5) Ghi đầy đủ, chi tiết diễn biến quá trình giám định theo từng ngày; nhiệm vụ của mỗi giám định viên tư pháp, người giám định theo vụ việc trong thực hiện giám định các nội dung theo yêu cầu/trung cầu giám định; Phương pháp thực hiện giám định; Kết luận và các ý kiến giống, khác nhau về đối tượng giám định; Thời gian, địa điểm diễn ra việc giám định theo từng ngày cụ thể; Ngày kết thúc giám định; Địa điểm hoàn thành kết luận giám định và các vấn đề có liên quan khác cần ghi nhận.
- (6) Văn bản ghi nhận quá trình giám định phải được thực hiện hàng ngày trong suốt quá trình giám định. Các thành viên tham gia giám định ngày nào thì trực tiếp ghi ý kiến của mình và ký xác nhận vào văn bản ghi nhận quá trình giám định của ngày đó.
- (7) Địa điểm hành chính nơi diễn ra quá trình giám định.

44

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 1 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 1: Giám định cá nhân

(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

CÁC NỘI DUNG THEO TRUNG CẦU/ YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH ... (2)

Căn cứ Quyết định số(3) về việc tiếp nhận trung cầu và Quyết định cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định cá nhân đối với trung cầu giám định(2), người giám định tư pháp đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu và kết luận giám định như sau:

1. Người giám định tư pháp: (ghi rõ họ tên)

2. Người trung cầu giám định/người yêu cầu giám định:

a) Cơ quan tiến hành tố tụng:

b) Người tiến hành tố tụng:

c) Văn bản trung cầu giám định số:

d) Người yêu cầu giám định:

3. Thông tin xác định đối tượng giám định:

4. Thời gian tiếp nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định:

5. Nội dung yêu cầu giám định:

6. Phương pháp thực hiện giám định:

7. Kết luận về đối tượng giám định:

8. Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định:

Kết luận giám định hoàn thành ngày: ...

Địa điểm hoàn thành kết luận giám định cá nhân:

Kết luận giám định này gồm ... trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

- Người trung cầu/yêu cầu giám định: 02 (hai) bản;

- Lưu hồ sơ giám định: 02 (hai) bản.

CHỮ KÝ NGƯỜI GIÁM ĐỊNH

(Chữ ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA(1)

... xác nhận những chữ ký nói trên là chữ ký của người giám định tư pháp
..... được cử giám định cá nhân theo Quyết định số..... (3)
(Đối với trường hợp trung cầu đích danh phải được chứng thực theo quy định
của pháp luật)./.

(4)....., ngày tháng năm
(Ký tên, đóng dấu)(5)

(1) Tên cơ quan tiếp nhận trung cầu/yêu cầu.

(2) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

(3) Số Quyết định về việc tiếp nhận trung cầu/yêu cầu và cử người tham gia
giám định tư pháp hình thức giám định cá nhân.

(4) Địa điểm hành chính nơi diễn ra việc thực hiện giám định.

(5) Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận trung cầu/yêu cầu hoặc cơ quan chứng thực chữ ký.

Mẫu số 2: Giám định tập thể hoặc Hội đồng giám định

(1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH

CÁC NỘI DUNG THEO TRUNG CẦU/ YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH ... (2)

Căn cứ Quyết định số ...(3) về việc tiếp nhận trung cầu/yêu cầu và Quyết định cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) đối với trung cầu giám định ...(2), các thành viên giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu và kết luận giám định như sau:

1. Người giám định tư pháp: (ghi rõ họ, tên từng giám định viên hoặc người giám định theo vụ việc)

2. Người trung cầu/yêu cầu giám định:

a) Cơ quan tiến hành tố tụng:

b) Người tiến hành tố tụng:

c) Văn bản trung cầu giám định số:

d) Người yêu cầu giám định:

3. Thông tin xác định đối tượng giám định:

4. Thời gian tiếp nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định:

5. Nội dung yêu cầu giám định:

6. Phương pháp thực hiện giám định:

7. Kết luận về đối tượng giám định:

8. Thời gian, địa điểm hoàn thành việc giám định:

Kết luận giám định hoàn thành ngày: ...

Địa điểm hoàn thành kết luận giám định tập thể:

Kết luận giám định này gồm ... trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

- Người trung cầu/yêu cầu giám định: 02 (hai) bản;

- Lưu hồ sơ giám định: 02 (hai) bản.

Bản kết luận này đã được tập thể các thành viên giám định thảo luận, thông qua, đồng ký tên và chịu trách nhiệm như nhau trước pháp luật./.

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ (hoặc Hội đồng giám định)

(Ký và ghi rõ họ, tên)

41

XÁC NHẬN CỦA(1)

.... xác nhận những chữ ký nói trên là chữ ký của các thành viên được cử tham gia giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) theo Quyết định số..... (3)/.

(4)....., ngày tháng năm
(Ký tên, đóng dấu)(5)

(1) Tên cơ quan tiếp nhận trung cầu/yêu cầu giám định.

(2) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

(3) Số Quyết định về việc tiếp nhận trung cầu/yêu cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định).

(4) Địa điểm hành chính nơi diễn ra việc thực hiện giám định.

(5) Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận trung cầu/yêu cầu hoặc cơ quan chứng thực chữ ký hoặc người quyết định thành lập Hội đồng giám định.

A

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49 /2014/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(1).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

BẢN GIAO KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

- Căn cứ Luật Giám định tư pháp năm 2012 và các văn bản pháp lý liên quan;
- Căn cứ Quyết định trưng cầu/yêu cầu giám định số.....;
-

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm....tại: (2)

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cơ quan trưng cầu/yêu cầu giám định:

- Ông (bà)chức vụ

- Ông (bà)chức vụ

2. Đại diện..... (3):

- Ông (bà)chức vụ.....

- Ông (bà)chức vụ.....

3- Người chứng kiến (nếu có):

Ông (bà) (4)

Tiến hành bản giao kết luận giám định vụ việc và tài liệu phục vụ giám định theo Quyết định trưng cầu/yêu cầu giám định gồm:

- 02 (hai) bản Kết luận giám định (giá trị pháp lý như nhau), mỗi bảntrang, có đầy đủ chữ ký các thành viên tham gia giám định tư pháp hình thức ... (giám định cá nhân hoặc giám định tập thể), có xác nhận đóng dấu của

-Tài liệu kèm theo Quyết định trưng cầu/yêu cầu giám định..... (5)

Việc bản giao Kết luận giám định và tài liệu phục vụ giám định kết thúc hồi ...giờ... cùng ngày; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, đã đọc lại cho hai bên giao nhận cùng nghe và thống nhất ký tên xác nhận, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRƯNG CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(3)

(Ký, ghi rõ họ tên)

44

(1) Tên cơ quan/ Người giám định tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu.

(2) Địa điểm giao nhận kết luận giám định.

(3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc người giám định tư pháp tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu.

(4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.

(5) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung.

4

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49 /2014/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
BỎ NHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../CV-....

V/v đề nghị bỏ nhiệm giám
định viên tư pháp

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi:(1)

Căn cứ Luật Giám định tư pháp năm 2012 và các văn bản pháp lý liên quan;

Căn cứ Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đề nghị(1) xem xét, lựa chọn, trình ...(2) bỏ nhiệm giám định viên tư pháp đối với các cá nhân sau:

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác, cư trú	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm chuyên môn và GĐTP	Điện thoại	Ghi chú
1							
2							
3							

Gửi kèm công văn này hồ sơ của các cá nhân đề nghị bỏ nhiệm giám định viên tư pháp.

Đề nghị(1) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(chữ ký, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền xem xét, lựa chọn để trình (2) bỏ nhiệm.

(2) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (ở Trung ương) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ở địa phương).

#